

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2018/HSST

Ngày : 09/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*

1/. Bà TRẦN TRƯỞNG THỊ THIÊN TRÀ

2/. Ông MAI PHÚ

- Thư ký phiên tòa: Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông PHAN MINH TRÍ - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 09 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 133/2018/HSST ngày 12 tháng 9 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/QĐ-HSST ngày 28 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/. Họ và tên: **TRẦN THỊ NGỌC Đ**. Sinh ngày 24 tháng 01 năm 2000. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: Thôn P, thị trấn D, huyện Đon , Lâm Đồng. Chỗ ở: 35 - G, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng (Nhà trọ). Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Con ông: Không rõ; Con bà: Trần Thị Thanh X, sinh năm 1972. Hiện ở đâu, không rõ. Bị cáo chưa có chồng, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 09/6/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

2/. Họ và tên: **NGUYỄN CAO V**. Sinh ngày 05 tháng 11 năm 1986. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: Khu phố Đ, thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng. Chỗ ở: 35 - G, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng (Nhà trọ). Nghề nghiệp: Sửa xe. Trình độ học vấn: Lớp 8/12. Con ông: Nguyễn Khắc C, sinh năm 1962; Con bà: Cao Thị N, sinh năm 1966. Vợ: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1990, có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2018. Hiện ở tại: Khu phố Đ, thị trấn N, huyện L, Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt, tạm giam ngày 09/6/2018. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V là các đối tượng nghiện chất ma túy (Methamphetamine), sống chung với nhau như vợ chồng tại số 35 - G, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng. Vào sáng ngày 09/6 2018, Đ và V bàn nhau góp tiền đi mua ma túy để sử dụng, sau đó V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 49T2-7171, chở Đ đi đến một quán internet tại khu vực N, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng, đến nơi thì V một mình đi nơi khác để mua đồ, Đ vào quán internet, lên mạng xã hội Facebook, liên hệ với một thanh niên (không rõ lai lịch, địa chỉ), hỏi mua một gói ma túy đá với giá 700.000 đồng. Hai bên hẹn giao ma túy và nhận tiền vào lúc 13 giờ 30 cùng ngày tại Khu qui hoạch đường H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng, sau đó V và Đ về lại nhà trọ. Đến 13 giờ 30 cùng ngày, V chở Đ đến nơi hẹn, cả hai cùng gặp người thanh niên trên để mua, bán ma túy như đã thỏa thuận từ sáng. Khi Trần Thị Ngọc Đ vừa nhận 01 gói ma túy từ người bán, đang cầm trên tay và chuẩn bị giao tiền thì bị Công an thành phố Đ, Lâm Đồng phát hiện, bắt quả tang. Riêng thanh niên bán ma túy đã bỏ chạy thoát, không bắt giữ được.

Tại Kết luận giám định số 876/GĐ-PC54 ngày 11/6/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Mẫu tinh thể đựng trong 01 gói nilon được niêm phong gửi giám định có khối lượng 0,4811 gam là Methamphetamine. Methamphetamine là chất ma túy, nằm trong danh mục II, STT 323, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, cả hai bị cáo đều không thắc mắc, khiếu nại gì đối với Kết quả giám định của Cơ quan giám định nói trên.

Tại Cáo trạng số 136/CT-VKS ngày 12/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, cả hai bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V khai nhận bị cáo đã có hành vi góp tiền để mua 700.000 đồng ma túy và đã nhận 01 gói Methamphetamine từ một đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch tại Khu qui hoạch đường H, Phường 5, thành phố Đ, Lâm Đồng bán với mục đích để cùng nhau sử dụng, nhưng chưa kịp trả tiền cho người bán thì bị Công an thành phố Đ, Lâm Đồng phát hiện, bắt quả tang với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, cả hai bị cáo đều không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa các bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp Biên bản bắt người phạm tội quả tang và lời khai trong quá trình điều tra, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của hai bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V mua và tàng trữ 0,4811 gam Methamphetamine để tàng trữ và sử dụng chung, nhưng khi vừa nhận ma túy thì đã bị phát hiện. Hành vi của các bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành

tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với cả hai bị cáo, xử phạt bị cáo Trần Thị Ngọc Đ từ 15 đến 18 tháng tù và phạt bị cáo Nguyễn Cao V từ 15 đến 18 tháng tù. Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo qui định của pháp luật. Các bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V:

Các bị cáo đều là những người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức nên biết rất rõ việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy, trong đó có Methamphetamine, một loại ma túy tổng hợp là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi mua để tàng trữ và sử dụng.

Hành vi của bị cáo Trần Thị Ngọc Đ là người trực tiếp liên lạc với người bán ma túy và trực tiếp giao dịch để mua ma túy với khối lượng 0,4811 gam Methamphetamine với mục đích để sử dụng chung với bị cáo Nguyễn Cao V, nhưng vừa mới nhận ma túy, chưa kịp giao tiền thì bị bắt.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Cao V, là người sống chung như vợ chồng với bị cáo Đ, tiếp nhận mục đích của Đ từ đầu, là người cùng góp tiền mua ma túy, chở Trần Thị Ngọc Đ đi tìm nơi bán ma túy và cũng là người chở bị cáo Đ đi nhận ma túy với mục đích cùng sử dụng chung.

Hành vi của cả hai bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Biên bản phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm đối với các bị cáo được qui định tại điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 như Cáo trạng truy tố và kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt: Hành vi của các bị cáo tàng trữ 0,4811 gam Methamphetamine, không vi phạm vào tình tiết định khung tăng nặng nào theo qui định tại điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cả hai bị cáo chỉ bị xét xử theo điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi của các bị cáo không có tình tiết tăng nặng hình phạt nào theo qui định tại điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa cả hai bị cáo đều đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt qui định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, cần áp dụng để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét hiện các bị cáo đều không có việc làm ổn định, quá trình điều tra cũng không xác định được các bị cáo có nguồn thu nhập gì từ việc Tàng trữ trái phép chất ma túy nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng :

Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm:

+ Một phong bì đã được niêm phong, trong đựng bao gói vật chứng trước khi giám định, xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy;

+ Một Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Ngọc Đ và Một Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Cao V, là giấy tờ tùy thân của các bị cáo, cần trả lại cho các bị cáo;

+ Số tiền 700.000 đồng là tiền dùng để sử dụng vào việc mua bán ma túy, cần tịch thu để sung quỹ Nhà nước.

+ Một xe mô tô hiệu Drin, biển kiểm soát 49T2-7171 là phương tiện di chuyển để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng không phải là xe thuộc sở hữu của các bị cáo mà xe do bị cáo Nguyễn Cao V mượn của anh Trần Quốc B, sinh năm 1989, Cư trú tại: 22 - Cư xá H, Phường 9, thành phố Đ, Lâm Đồng nhưng quá trình điều tra anh Bảo chưa xuất trình được giấy tờ chứng minh mình là chủ sở hữu xe nên Công an thành phố Đà Lạt tiếp tục tạm giữ để xác minh và xử lý sau nên không đề cập xử lý trong bản án này.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Ngọc Đ và Nguyễn Cao V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[2]. Áp dụng điểm c khoản 1 điều 249; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

2.1/ Bị cáo Trần Thị Ngọc Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2018.

2.2/ Bị cáo Nguyễn Cao V 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/6/2018.

[3]. Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

+ Tịch thu để tiêu hủy: 01 phong bì đã niêm phong đựng bao gói vật chứng trước khi giám định.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 700.000 (Bảy trăm ngàn) đồng.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Thị Ngọc Đ: 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Ngọc Đ và trả lại cho bị cáo: Nguyễn Cao V 01 Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Cao V.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ ngày 13/9/2018 và Biên lai thu tiền số 0000233 ngày 12/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ).

[4]. Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trình